

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 24 /2017/KDTM-ST
Ngày: 29-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cư
2. Bà Nguyễn Lý Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/TLST-KDTM ngày 17/4/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-KDTM ngày 14/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 16 /2017/QĐST-KDTM ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B .
Trụ sở: 169 T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T, chức vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Anh T: ông Trương Hồng H, sinh năm: 1963 (Theo giấy ủy quyền số 47/2016/GUQ-D ngày 24/10/2016)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)
- *Bị đơn:* Công ty cổ phần L. (vắng mặt)
Trụ sở: đường số 2, KCN N, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/11/2010, Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B (gọi tắt là công ty D) có ký hợp đồng kinh tế số 127/2010/BT-HĐKT với công ty cổ phần L 16.5 (gọi tắt là công ty L). Theo đó công ty D bán bê tông thương phẩm dùng xi măng PCB cho công ty L để thực hiện công trình Kho cảng xăng dầu Petec Cái Mép-KCN Cái Mép-Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu.

Hai bên thỏa thuận: Căn cứ vào đơn đặt hàng của công ty L hàng ngày, công

ty D sẽ xuất hàng. Khối lượng mua bán sẽ chốt hàng tháng căn cứ vào hóa đơn VAT xuất hàng thực tế. Trong hạn 10 ngày kể từ ngày công ty D xuất hóa đơn VAT, công ty L phải thanh toán cho công ty D. Ngoài ra, công ty L còn phải trả thêm khoản tiền lãi nếu chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng nhà nước Việt Nam. Đơn giá hàng hóa được xác định trong hợp đồng, khi có biến động, các bên sẽ thỏa thuận lại trong phụ lục hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã ký thêm Phụ lục hợp đồng số 127/2011/PL-HĐKT ngày 23/3/2011 và Phụ lục hợp đồng số 128/2011/PL-HĐKT ngày 26/3/2011.

Theo hợp đồng, công ty D đã bán hàng cho công ty L, đến khoảng tháng 5/2011, công ty L hoàn tất công trình và còn nợ lại công ty D số tiền 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng). Công ty D đã yêu cầu nhiều lần nhưng công ty L hứa hẹn mà không thanh toán.

Do đó, công ty D tiến hành khởi kiện ra tòa án yêu cầu công ty L phải thanh toán cho công ty D số tiền còn nợ lại là 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2011 đến ngày 09/9/2016 theo mức lãi suất 1%/tháng là 47.515.514đ. Tổng cộng gốc và lãi công ty L phải trả cho công ty D là: 121.412.114đ (Một trăm hai mươi một triệu, bốn trăm mười hai nghìn, một trăm mười hai đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn công ty cổ phần L được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi ích cho mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu công ty L thanh toán cho công ty D số nợ gốc là 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

^[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty D lựa chọn khởi kiện công ty L tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là nơi thực hiện hợp đồng về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn công ty L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi do chậm thanh toán. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

^[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, xác định giữa công ty D và công ty L có giao dịch mua bán hàng hóa theo hợp đồng kinh tế số 127/2010/BT-HĐKT ngày 06/11/2010. Hợp đồng được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

Từ ngày 06/11/2010, công ty D đã cung cấp bê tông cho công ty L thực hiện dự án Kho cảng xăng dầu Petec Cái Mép - Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu. Theo thỏa thuận trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công ty D xuất hóa đơn VAT của mỗi tháng, công ty L phải thanh toán cho công ty D. Tuy nhiên, công ty L luôn chậm trễ trong việc thanh toán và thanh toán không đầy đủ. Tính đến tháng 5/2011, hoàn tất dự án Kho cảng xăng dầu Petec Cái Mép - Tân Thành - Bà Rịa-Vũng Tàu, công ty L còn nợ công ty D 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng). Công ty D đã yêu cầu nhiều lần nhưng công ty L hứa hẹn mà không thanh toán. Đến ngày 20/01/2016, công ty L ký biên bản xác nhận công nợ đến ngày 31/12/2015 là 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tòa án đã ra quyết định yêu cầu công ty L phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mình đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, công ty L không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ chứng cứ nào để bảo vệ cho mình. Điều đó không những thể hiện thái độ không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng mà cũng là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xác định, đến ngày 31/12/2015 công ty L còn nợ công ty D 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng), cho đến nay công ty L vẫn chưa thanh toán khoản nợ này cho công ty D nên căn cứ Điều 50 Luật thương mại, nguyên đơn công ty D yêu cầu công ty L thanh toán số tiền 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: công ty L phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 73.896.600đ: 3.694.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán.

Áp dụng: điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại .

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B. Buộc công ty cổ phần L phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B số tiền 73.896.600 đồng (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty cổ phần L không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần L nộp án phí là 3.694.000đ (Ba triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B được hoàn lại 3.035.000đ (Ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003774 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Thị Thảo Nguyên

